

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

“V/v tranh chấp về

Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Thiện Hoàng.
- **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Ma Đình Nghị.
2. Bà Mai Thị Cẩm Hoa.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp *“Hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Tổ 11 b, thị trấn BL, huyện CD, tỉnh Bắc Kạn.
(Có mặt tại phiên tòa).
2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn Tr, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Xóm Ph, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 6 k1, trại giam Đắc Trung, huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/6/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Chị H và anh Tr kết hôn với nhau vào ngày 01/4/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BL, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh, chị về nhà bố mẹ đẻ của chị tại tổ 11 b, thị trấn BL, huyện CD, tỉnh Bắc Kạn ở, từ khi kết hôn đến năm 2015 vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 3/2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày một trầm trọng hơn, liên tục xảy ra cãi vã, đánh đập nhau nguyên nhân là do trong cách ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, anh Tr không chịu làm ăn chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh Tr không thay đổi, nhiều lần lấy cớ đi làm ăn xa để xin tiền chị trước khi đi nhưng chỉ được khoảng hai tháng tiêu hết tiền lại quay về mà không mang về được đồng nào phụ giúp chị nuôi con. Đến tháng 3/2016 anh Tr bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tại xã BT, huyện Đ, Thái Nguyên còn chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ của mình. Đến cuối tháng 10/2016 mẹ của chồng của chị gọi điện báo cho biết anh Tr đã bị Công an huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh Tr đang chấp hành án tại Đội 6 k1, trại giam Đắk Trung, huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi anh Tr bị bắt và phải đi chấp hành án chị không đi thăm lần nào do là ở xa nên chị không đi thăm được. Chị H xác định vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng tháng 3/2016 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, chị cương quyết xin được ly hôn anh Tr.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Trần Trọng Ngh, sinh ngày 16/8/2013. Ly hôn chị xin được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà vợ: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Trần Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung, huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện Định Hóa đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2018 anh Tr trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung, tài sản chung, về việc không có tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng, anh không có gì bổ sung thêm. Về mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng nguyên nhân vợ chồng không chia sẻ cảm thông nhau, anh ham chơi không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đang đi chấp hành án phải rất nhiều năm nữa mới chấp hành án xong, không về để hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Vì vậy anh có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà vợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh Tr; Về con chung giao chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu; Về tài sản chung, công nợ, công sức không có vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, ủy thác thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhưng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” mà bị đơn cư trú tại xã bt, huyện đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án xét xử vắng anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị H, ý kiến anh Tr thấy rằng:

Chị H và anh Tr kết hôn với nhau vào ngày 01/4/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BL, huyện CĐ, tỉnh Bắc Kạn (quê chị H). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương có giấy đăng ký kết, có xác nhận của UBND thị trấn BL, huyện CĐ, tỉnh Bắc Kạn, sự việc này là chính xác, đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau có thời gian hạnh phúc, có con chung. Năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt, anh Tr không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã, đánh đập nhau rồi anh Tr đã vi phạm pháp luật, bị kết án tù. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn với anh Tr của chị H là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị H được ly hôn anh Tr.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung xét thấy: Chị H có việc làm, có thu nhập nhất định, ly hôn chị xin được nuôi con chung là phù hợp. Anh Tr hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù. Vì vậy cần giao con là cháu Ngh cho chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt cho cháu Ngh, cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc yêu cầu hoặc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền của người trực tiếp nuôi dưỡng, đây là nghĩa vụ của cha mẹ không phụ thuộc vào người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không với mục đích nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị H vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà vợ: Chị H và anh Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Trần Văn Tr.
2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thu H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Trọng Ngh, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Trần Văn Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tr do chị H tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà vợ: Chị Nguyễn Thu H và anh Trần Văn Tr xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018159 ngày 27/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn BL,
huyện CD, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thiện Hoàng